

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HS-ST
Ngày 22-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thế Dũng.
2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2022/TLST-HS, ngày 04 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ NGỌC D**, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1999, tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Khu Bo, thị trấn B, huyện K, tỉnh hòa Bình.

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1963 và bà Quách Thị N, sinh năm 1971;

Anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ nhất;

Chồng, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/01/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Bị hại: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: 1. Chị **Lê Thị Kim D**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị **Tạ Thị H**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

NGUYỄN THỊ NGỌC D, cư trú tại khu Bo, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình, từ tháng 6 năm 2019 D tham gia kinh doanh mua, bán tour du lịch trong nước trọn gói, bao gồm vé máy bay chiều đi, chiều về, phòng nghỉ khách sạn, ăn uống với hình thức đăng bài quảng cáo bán tour du lịch trong nước trên mạng xã hội Facebook, với tên trang cá nhân là “NGOC DUNG”. Khi có khách đặt Tour du lịch và thỏa thuận xong về số lượng người đi du lịch, địa điểm du lịch, số ngày nghỉ, giá tiền thì chuyển tiền vào tài khoản của D, sau đó D mua lại tour du lịch của các đại lý bán vé máy bay, tour du lịch rồi bán lại cho khách đặt để hưởng tiền chênh lệch.

Do từ trước D quen biết Nguyễn Phương H, ở tại số nhà 85, phố Hàng Bạc, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, nên D cũng biết Đỗ Nguyên C, trú tại xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng mở Đại lý bán vé Máy bay “Anh Anh”, địa chỉ tại số 66X, ngõ Núi Trúc, phường K, quận B, thành phố Hà Nội, do vậy D nhận làm cộng tác viên bán tour du lịch cho H.

Từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020, D nhiều lần chuyển tiền cho H, thông qua tài khoản của C để đặt mua khoảng hơn 300 Tour du lịch cho khách hàng của D, nhưng tính đến ngày 10/7/2020, H chỉ trả được cho D khoảng 200 tour du lịch, còn khoảng hơn 100 tour du lịch không trả được cho khách dẫn đến việc khách mua tour du lịch tìm D để đòi lại tiền.

Ngày 12/7/2020, chị Nguyễn Thị H, trú tại tổ dân phố 8, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là cộng tác viên mua, bán Tour du lịch cho D, giới thiệu cho D một khách hàng có nhu cầu đặt Tour du lịch rồi gửi cho D tên, số điện thoại của chị Nguyễn Thị N, trú tại tổ dân phố 12, phường T, thành phố T. Cùng ngày, chị N gọi điện thoại cho D đặt mua 01 tour du lịch cho 19 người tại huyện P, tỉnh Kiên Giang, thời gian 3 ngày 2 đêm, từ ngày 05/8/2020 đến ngày 07/8/2020, D nói với chị N hỏi giá sẽ báo lại sau. Sau đó, D liên hệ với các Đại lý bán vé máy bay kiêm bán Tour du lịch để tham khảo giá đi du lịch tại huyện P, tỉnh Kiên Giang, thì được biết với Tour du lịch như trên có giá là 109.000.000 đồng, nhưng D lại báo giá cho chị N là 112.350.000 đồng để hưởng tiền chênh lệch 3.350.000 đồng. Do thấy giá cao, chị N không đồng ý và tự tính lại giá là 82.850.000 đồng, chụp ảnh bảng tính giá gửi cho D qua ứng dụng Zalo.

Thấy giá của chị N đưa ra thấp, không thể mua được trên thị trường Tour du lịch Phú Quốc theo yêu cầu của chị N, nhưng do lúc này D đang cần tiền để trả cho các khách hàng trước đó, nên D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị N, mục đích để trả nợ. D nói dối với chị D là sẽ mua được tour du lịch với giá như chị N đã đưa ra, hứa hẹn từ 03 đến 05 ngày sau sẽ gửi mã số vé máy bay, mã

số phòng nghỉ khách sạn cho chị N. Chị N thấy giá rẻ và tin tưởng D nên đồng ý chuyển tiền cho D, cụ thể:

- Ngày 12/7/2020, chị N nhờ chị Lê Thị Kim D, trú tại tổ dân phố 1, phường L, thành phố T chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng từ số tài khoản 5200100098889 mở tại Ngân hàng MB qua ứng dụng trên điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng số 02739261301 mang tên NGUYỄN THỊ NGỌC D mở tại Ngân hàng Tiên Phong.

- Ngày 13/7/2020, chị N gọi điện thoại báo D tính thêm tiền ký gửi hành lý của một khách hàng, D báo lại cho chị N là 650.000 đồng, chị N đồng ý, nhờ chị Tạ Thị H, trú tại tổ dân phố 16, phường M, thành phố T chuyển khoản số tiền 43.500.000 đồng từ số tài khoản 106866864113 mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam qua ứng dụng trên điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng số 0031000393382 mang tên NGUYỄN THỊ NGỌC D, mở tại Ngân hàng Vietcombank. Tổng số tiền 02 lần chị N chuyển cho D là 83.500.000 đồng đặt Tour du lịch Phú Quốc, D hẹn đến ngày 17/7/2020 trả vé cho chị N. Sau khi nhận được tiền từ chị N, D không đặt vé máy bay, phòng nghỉ khách sạn cho chị N như hứa hẹn mà dùng toàn bộ số tiền của chị N để trả nợ cho nhiều người khác.

Đến hẹn, D không trả được mã số vé máy bay, mã số phòng nghỉ khách sạn nên chị N nhiều lần gọi điện cho D lấy lại tiền, nhưng D thay đổi chỗ ở, cắt liên lạc với chị N. Ngày 30/7/2020, chị N gặp D tại thành phố Hà Nội đòi tiền nhưng D không có tiền trả, viết giấy nhận nợ với số tiền 165.000.000 đồng (D tự thỏa thuận viết như trên với mục đích nếu D trả lại tiền sớm thì D chỉ phải trả số tiền 83.500.000 đồng, nếu chưa trả thì chị N gửi đơn lên cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết). Sau đó, D không trả tiền cho chị N nên trốn tránh bằng cách thay đổi chỗ ở, không liên lạc với chị N, vì vậy chị N gửi đơn tố giác đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Tại bản kết luận giám định số 405/GĐ- KTHS ngày 29/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết) “Dung”, chữ viết ghi tên “NGUYỄN THỊ NGỌC D” trên mẫu cần giám định (giấy nhận tiền và bản tự nguyện trình bày) ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết ghi tên NGUYỄN THỊ NGỌC D dưới mục “NGƯỜI NHẬN GIẤY TRIỆU TẬP” trên mẫu so sánh (giấy triệu tập; biên bản ghi lời khai) ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết.

Vật chứng: Ngày 20/01/2022, Cơ quan điều tra tạm giữ của D 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 6 Plus, màu ghi xám, số máy: MGD22LL/A; Số Seri: FK1NRN70G5QV, tình trạng máy đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm đòi thường dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị N yêu cầu NGUYỄN THỊ NGỌC D phải trả lại 83.500.000 đồng đã chiếm đoạt, nhưng đến nay D chưa trả cho chị N được đồng nào.

Tại cơ quan điều tra, NGUYỄN THỊ NGỌC D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của D còn được chứng minh bằng: Đơn tố giác tội phạm; Sao kê chi tiết giao dịch bà Ngân chuyển tiền cho D; vật chứng thu giữ; Biên bản kiểm tra điện thoại; Kết luận giám định; lời khai của bị

hại; lời khai của người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội D trên, tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSTP, ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố Phạm Thị Ngọc D về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D tiếp tục khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình với chị N nhằm mục đích lấy tiền trả nợ cho nhiều người khác. Bị cáo không có ý kiến gì về kết luận giám định chữ viết, chữ ký của bị cáo, không yêu cầu giám định lại. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo D có ý kiến: Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị N đến nay bị cáo chưa trả được cho chị N đồng nào. Bị cáo D nhất trí trả lại cho chị N tổng số tiền đã chiếm đoạt là 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị hại chị Nguyễn Thị N trình bày tại bản tự khai, Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 267 đến số 281). Do có nhu cầu đi du lịch ở Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nên ngày 12/7/2020, tôi được chị Nguyễn Thị H, trú tại tổ dân phố 08, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là cộng tác viên mua, bán Tour du lịch giới thiệu tôi cho NGUYỄN THỊ NGỌC D và cho tôi số điện thoại để gặp D đặt Tour du lịch. Tôi gọi điện thoại cho D để đặt mua 01 Tour du lịch cho 19 người tại huyện P, tỉnh Kiên Giang, thời gian 03 ngày 02 đêm, từ ngày 05/8/2020 đến ngày 07/8/2020, D nói với tôi là giá sẽ báo lại sau. Sau đó D liên hệ Tour du lịch để tham khảo giá và báo giá lại với tôi là tổng cộng là 112.350.000 đồng, thấy giá cao, tôi không đồng ý mà tự tính lại giá là 82.850.000 đồng, chụp ảnh bảng tính giá gửi cho D qua ứng dụng Zalo, sau đó D gọi lại cho tôi hứa sẽ mua được Tour du lịch với giá mà tôi đã đưa ra, hẹn tôi từ 03 đến 05 ngày sau sẽ gửi mã số vé máy bay, mã số phòng nghỉ khách sạn cho tôi. Thấy giá chấp nhận được và tin tưởng D nên tôi đồng ý chuyển tiền cho D, cụ thể:

- Ngày 12/7/2020, tôi nhờ chị Lê Thị Kim D, trú tại tổ dân phố 01, phường L, thành phố T chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) từ số tài khoản 5200100098889 mở tại Ngân hàng MB qua ứng dụng trên điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng số 02739261301 mang tên NGUYỄN THỊ NGỌC D mở tại Ngân hàng Tiên Phong.

- Ngày 13/7/2020, tôi gọi điện thoại bảo D tính thêm tiền ký gửi hành lý của một khách hàng, D báo lại cho tôi là 650.000 đồng, tôi đồng ý nên nhờ chị Tạ Thị H, trú tại tổ dân phố 16, phường M, thành phố T chuyển khoản số tiền 43.500.000 đồng từ số tài khoản 106866864113 mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam qua ứng dụng trên điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng số 0031000393382 mang tên NGUYỄN THỊ NGỌC D, mở tại Ngân hàng Vietcom Bank.

Tổng số tiền 02 lần tôi chuyển cho D là 83.500.000 đồng đặt Tour du lịch Phú Quốc, D hẹn đến ngày 17/7/2020 trả vé cho tôi. Đến hẹn, D không trả được mã số vé máy bay, mã số phòng nghỉ khách sạn nên tôi nhiều lần gọi điện cho D

lấy lại tiền nhưng D thay đổi chỗ ở, cắt liên lạc với tôi. Ngày 30/7/2020 tôi gặp D tại thành phố Hà Nội đòi tiền, nhưng D không có tiền trả nên tôi và D tự thỏa thuận D viết giấy nhận nợ với số tiền 165.000.000 đồng (vì tôi và D thỏa thuận viết như trên với mục đích nếu D trả lại tiền sớm thì D chỉ phải trả tôi số tiền 83.500.000 đồng, nếu chưa trả thì tôi sẽ gửi đơn lên cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết). Sau đó, D không trả tiền cho tôi mà trốn tránh tôi bằng cách thay đổi chỗ ở, không liên lạc với tôi, vì vậy tôi gửi đơn tố giác đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết.

Về trách nhiệm hình sự: Chị N đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo D theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị N yêu cầu bị cáo D trả lại tổng số tiền là 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Người làm chứng chị Lê Thị Kim D trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 285 đến số 290): Tôi và chị Nguyễn Thị N ở tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, quen biết nhau, nên ngày 12/7/2020, chị N có nhờ tôi chuyển khoản số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) từ số tài khoản 5200100098889 của tôi mở tại Ngân hàng MB qua ứng dụng trên điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng số 02739261301 mang tên NGUYỄN THỊ NGỌC D mở tại Ngân hàng Tiên Phong. Tôi không biết nội D chị N chuyển tiền làm mục đích làm gì, cũng như tôi không đại diện mua bất cứ thứ gì liên quan đến Tour du lịch.

Người làm chứng chị Tạ Thị H trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 287 đến số 289): Tôi là cháu bà Nguyễn Thị N ở tổ dân phố 12, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 13/7/2020, bà Ngân gọi điện thoại nhờ tôi chuyển khoản số tiền 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) từ số tài khoản 106866864113 của tôi mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam qua ứng dụng trên điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng số 0031000393382 mang tên NGUYỄN THỊ NGỌC D, mở tại Ngân hàng Vietcom Bank sau đó bà Ngân đã trả đủ tôi số tiền trên. Tôi không hề quen biết gì chị D mà tôi chỉ thấy bà Ngân nói nhờ tôi chuyển tiền để mua Tour du lịch chứ tôi không đại diện gia đình mua Tour du lịch nào cả.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo NGUYỄN THỊ NGỌC D và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Điều luật áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo NGUYỄN THỊ NGỌC D phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*.

- Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN THỊ NGỌC D từ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng đến 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 21 tháng 01 năm 2022.

Do bị cáo D không có tài sản và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 579; khoản 1 Điều 580; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo NGUYỄN THỊ NGỌC D có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N tổng số tiền là 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và phải chịu lãi nếu chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Vật chứng căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 6 Plus, màu ghi xám, số máy: MGD22LL/A; Số Seri: FK1NRN70G5QV, tình trạng máy đã qua sử dụng, vì tài sản của bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D không có ý kiến tranh luận gì với nội D luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo D nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo NGUYỄN THỊ NGỌC D tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của bị hại; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 12 và ngày 13/7/2020, NGUYỄN THỊ NGỌC D, cư trú tại khu Bo, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N, trú tại tổ dân phố 12, phường T, thành phố T số tiền 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, truy tố NGUYỄN THỊ NGỌC D về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo D tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị hại chị N có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo Dung.

[4] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo D một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình đã gây ra.

[5] Mức án xử phạt: Bị cáo D nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội; ảnh hưởng đến kinh tế của bị hại, gây dư luận xấu ở địa phương, nhưng bị cáo vẫn cố ý lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng do lỗi cố ý, nên cần xử phạt bị cáo D mức án nghiêm minh theo quy định của pháp luật và cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm chung.

Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, do vậy xử phạt bị cáo D mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo D không có tài sản và không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo D đã có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tiền của chị N đến chưa trả được cho chị N đồng nào, chị N yêu cầu bị cáo trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, nên buộc bị cáo D có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị N tổng số tiền là 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và phải chịu lãi nếu bị cáo chậm trả tiền cho chị N theo quy định của Điều 357; 579; 580 của Bộ luật dân sự:

[8] Vật chứng: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 6 Plus, màu ghi xám, số máy: MGD22LL/A; Số Seri: FK1NRN70G5QV, tình trạng máy đã qua sử dụng, là tài sản của bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của Điều 47 của Bộ luật hình sự.

[9] Đối với Nguyễn Phương H, Đỗ Nguyên C, theo bị cáo D khai nhiều lần nhận tiền mua vé Tour du lịch của D, nhưng H, C không trả vé Tour mà chiếm đoạt tiền của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, vụ việc bị cáo D tố giác H, C hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết, nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với việc chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo D viết giấy nhận tiền nhiều hơn so với số tiền thực tế D nhận, quá trình điều tra xác định việc thỏa thuận

viết giấy nhận tiền là do D tự nguyện, không bị ép buộc, nên hành vi của chị N không có dấu hiệu tội phạm, không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Dung; bị hại chị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* *Tuyên bố:* Bị cáo **NGUYỄN THỊ NGỌC D** phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*.

* *Xử phạt:* Bị cáo **NGUYỄN THỊ NGỌC D** 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21 tháng 01 năm 2022.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 579; khoản 1 Điều 580; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo **NGUYỄN THỊ NGỌC D** có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị N tổng số tiền là 83.500.000 đồng (Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoản tiền phải hoàn lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone, màu ghi xám, tên kiểu máy: iPhone 6 Plus số máy: MGD22LL/A; số sê ri: FK1NRN70G5QV, tình trạng máy đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, lập ngày 07/7/2022.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **NGUYỄN THỊ NGỌC D** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 4.175.000 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo **NGUYỄN THỊ NGỌC D** phải chịu 4.375.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Công an TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo Dung;
- Bị hại Ngân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

